

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 5 - 2026
V/v “Tranh chấp về xác định không
phải cha cho con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Kim Sơn

Bà: Lê Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2026 về việc “Tranh chấp về xác định không phải cha cho con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - Sinh năm 1999

Số CCCD: 038199027415

Nơi cư trú: Thôn NT, xã NA, tỉnh TH.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc T - Sinh năm 1998

Số CCCD: 038098009370

Nơi cư trú: Thôn MT, xã NA, tỉnh TH

Tại phiên tòa có mặt chị T vắng mặt anh T, anh Lê Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Lê Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2022. Ngày 13/11/2025 chị và anh Lê Ngọc T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số: 109/2025/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH. Trong thời gian là vợ chồng chị và anh T chỉ có một con chung là Lê Ngọc N sinh ngày 12/7/2020. Ngày 09/6/2025 chị sinh cháu trai tên là Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến) cháu sinh trong thời gian chị và anh T ly thân với nhau.

Ngày 12/02/2026 anh T và cháu Lê Anh Q (tên dự kiến khai sinh) đã làm xét nghiệm phân tích AND tại trung tâm công nghệ sinh học AND kết quả Lê Ngọc T không có quan hệ huyết thống cha con với cháu có tên là Lê Anh Q; sinh ngày 09/6/2025. Mặc dù cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến) sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T khi đó chưa ly hôn nhưng cháu Q không phải con chung của chị và anh T. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến); sinh ngày 09/6/2025 theo Giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực NL do chị sinh ra không phải con của anh Lê Ngọc T.

Tại bản tự khai gửi cho Tòa án bị đơn anh Lê Ngọc T trình bày: Anh và Chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2022. Ngày 13/11/2025 anh và Chị Lê Thị T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 109/2025/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH. Khi ly hôn vợ chồng anh chỉ công nhận có một con chung là Lê Ngọc N sinh ngày 12/7/2020 hiện nay cháu N do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 09/6/2025 chị T có sinh cháu trai tên là Lê Anh Q (tên dự kiến khai sinh) cháu sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị T.

Ngày 12/02/2026 anh và cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến) đã làm xét nghiệm phân tích AND tại trung tâm công nghệ sinh học AND kết quả anh không có quan hệ huyết thống cha con với người có tên dự kiến sinh là Lê Anh Q; sinh ngày 09/6/2025.

Cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến) mặc dù sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị T nhưng cháu Q không phải con của anh. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến); sinh ngày 09/6/2025 không phải con của anh thì anh thống nhất và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến); sinh ngày 09/6/2025 theo Giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực NL không phải con của anh.

* Phần tranh luận: Nguyên đơn Chị Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến); sinh ngày 09/6/2025 theo Giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực NL không phải con của anh Lê Ngọc T, để chị còn kịp thời làm các thủ tục khai sinh cho con. Ngoài ra chị không có ý kiến tranh luận gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - tỉnh TH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án thực hiện chưa đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự yêu cầu không công nhận cha con, nhưng Tòa án lại xác định tranh chấp thụ lý vụ án dân sự là không chính xác.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện không đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 88, 89, khoản 2 Điều 101, điểm a khoản 3 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xác định anh Lê Ngọc T, sinh ngày 22/8/1998 không phải là cha đẻ của cháu Lê Anh Q, sinh ngày 9/6/2025 theo giấy chứng sinh số 28, quyển 07/25CS ngày 9/6/2025 do Bệnh viện Đa khoa khu vực NL cấp. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu và kiến nghị:

Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án thực hiện chưa đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự yêu cầu không công nhận cha, con nhưng tòa án lại xác định, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự là chưa chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp xác định không phải cha cho con với bị đơn anh Lê Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại thôn Minh Thạch, xã NA, tỉnh TH nên Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn anh Lê Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Ngọc T.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Thị T và anh Lê Ngọc T có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T có 01 con chung là cháu Lê Ngọc N sinh ngày 12/7/2020. Chị T và anh T chung sống đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân chị T đã có tình cảm phát sinh quan hệ với người đàn ông khác và có thai, chị T không biết nhân thân, địa chỉ của người đàn ông này. Đến ngày 09/6/2025 chị T đã sinh một bé trai tại Bệnh viện đa khoa khu vực NL, tỉnh TH thể hiện tại Giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, tỉnh TH cháu có tên dự kiến khai sinh là Lê Anh Q.

Sau đó chị T và anh T đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị và anh T không cung cấp thông tin về việc chị T có con là tên khai sinh dự kiến là Lê Anh Q nên Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH không biết và không giải quyết vấn đề liên quan đến cháu có tên khai sinh dự kiến là Lê Anh Q tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 109/2025/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH. Do thời điểm chị T sinh cháu có tên khai sinh dự kiến là Lê Anh Q thì chị T và anh T còn đang trong thời kỳ hôn nhân nên cháu bé trai có tên khai sinh dự kiến là Lê Anh Q không đủ điều kiện để đăng ký khai sinh theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Chị Lê Thị T xác định cháu bé có tên khai sinh dự kiến là Lê Anh Q sinh ngày 09/6/2025 theo giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực NL, tỉnh TH, sinh ra không phải là con đẻ của anh Lê Ngọc T. Đối với bị đơn anh Lê Ngọc T, cũng có ý kiến và thừa nhận điều này.

Tại kết quả xét nghiệm ADN số: KL 260022/TH ngày 12/02/2026 của Trung tâm công nghệ sinh học ADN do nguyên đơn nộp kèm đơn khởi kiện thể hiện kết luận: “Lê Ngọc T và cháu Lê Anh Q không có mối quan hệ huyết thống cha - con”.

Mặc dù cháu có tên dự kiến khai sinh là Lê Anh Q sinh ngày 09/6/2025 theo giấy chứng sinh số 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, tỉnh TH do Chị Lê Thị T sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Lê Ngọc T nhưng căn cứ vào Kết quả giám định ADN số: KL 260022/TH ngày 12/02/2026 của Trung tâm công nghệ sinh học ADN, lời khai của chị T và anh T có đủ cơ sở khẳng định anh Lê Ngọc T không phải là cha đẻ của cháu Lê Anh Q (tên dự kiến khai sinh); sinh ngày 09/6/2025 theo Giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực NL, tỉnh TH. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị T về việc đề nghị xác định anh Lê Ngọc T không phải là cha đẻ của cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến); sinh ngày 09/6/2025 theo Giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực NL, tỉnh TH là có căn cứ được chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T không phải chịu án phí về việc xác định không phải cha cho con theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T, anh Lê Ngọc T được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về phần tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH cho rằng “Tòa án thực hiện chưa đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự yêu cầu không công nhận cha cho con nhưng Tòa án lại xác định và thụ lý vụ án dân sự là chưa chính xác”.

Ý kiến trên của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TH đưa ra không chỉ rõ được điều luật, hay căn cứ quy định nào của pháp luật cụ thể để khẳng định quan điểm trên là đúng.

Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH đã căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 27/02/2026, những tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và những yêu cầu của nguyên đơn để xác định vụ án hay yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và giải quyết bằng vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về phần án phí: Do Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH xác định đây là việc dân sự nên Chị Lê Thị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH giải quyết bằng vụ án nên căn cứ vào đơn đề nghị miễn tiền án phí, lệ phí của chị T và theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao miễn tiền án phí cho Chị Lê Thị T.

Những nội dung của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tại phiên tòa không được HĐXX chấp nhận thì Viện kiểm sát có quyền kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật. Đối với các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 88; Điều 91; khoản 2 Điều 101; điểm a khoản 3 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị T.

1. Xác định cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến), giới tính nam, sinh ngày 09/6/2025 theo giấy chứng sinh số: 28 Quyền số: 07/25CS của Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc, tỉnh TH do Chị Lê Thị T sinh ra không phải là con đẻ của anh Lê Ngọc T sinh ngày 22/8/1998.

2. Chị Lê Thị T có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch để làm thủ tục khai sinh cho cháu Lê Anh Q (tên khai sinh dự kiến) theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T vắng mặt anh T. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Lê Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Sơn

Lê Thị Bảy

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Kim Bình

Phạm Thị Diệu

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Trung Thành

Hà Thị Hòa

Phạm Xuân Thành

